

42. Thông tin thừa (redundancy)

Khi thông tin trong câu bị lặp đi lặp lại không cần thiết thì nó bị gọi là thông tin thừa, cần phải loại bỏ phần thừa đó. Ví dụ: Người Anh không dùng *the time when* mà chỉ dùng một trong hai.

It is (the time/ when) I got home.

Người Anh không dùng *the place where* mà chỉ dùng một trong hai.

It is (the place/ where) I was born.

Không dùng song song cả 2 từ dưới đây trong cùng một câu:

advance forward proceed forward progress forward	Cả 3 từ <i>advance</i> , <i>proceed</i> , <i>progress</i> đều có nghĩa tiến lên, tiến về phía trước: "to move in a forward direction". Vì vậy <i>forward</i> là thừa.
return back revert back	Cả 2 từ <i>return</i> , <i>revert</i> đều có nghĩa: "to go back, to send back". Vì vậy <i>back</i> là thừa.
sufficient enough	Hai từ này nghĩa như nhau
compete together	compete = đua tranh, cạnh tranh với nhau "to take part in a contest against others"
reason... because	Hai từ này có nghĩa như nhau. Mẫu đúng phải là "reason... that"
join together	join có nghĩa "to bring together", "to put together", "to become a part or a member of..."
repeat again	repeat có nghĩa "to say again"
new innovation	innovation có nghĩa là một ý tưởng mới "a new idea"
matinee performance	matinee = buổi biểu diễn chiều
same identical	hai từ này nghĩa giống nhau
two twins	twins = two brothers or sisters
the time / when	Hai từ này nghĩa giống nhau
the place / where	Hai từ này nghĩa giống nhau